

Bản án số: 1199/2022/DS-ST.

Ngày: 01-07-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Phương,
2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1639/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **P.T.V.**, sinh năm 1960,

Thường trú: phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 27, Khu phố 7, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông T.H.T., sinh năm 1955, địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 26/10/2021 tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng).

2. Bị đơn: Ông **L.Q.T.**, sinh năm 1976 (Vắng mặt),

Thường trú: Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà P.T.V. có ông T.H.T. làm đại diện trình bày:*

Bà P.T.V. cho ông L.Q.T. vay số tiền là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) có lập Giấy vay tiền ngày 03/04/2018 với thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày làm giấy vay tiền để ông L.Q.T. mua hàng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay đến nay, ông L.Q.T. đã đưa ra nhiều lý do và không trả tiền gốc cũng như tiền lãi mà hai bên thoả thuận miệng là 2%/tháng.

Vì vậy, nguyên đơn bà P.T.V. khởi kiện ông L.Q.T. yêu cầu trả số tiền vay còn thiếu là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi còn lại.

** Bị đơn ông L.Q.T.:*

Bị đơn ông L.Q.T. đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 04/04/2022 và 29/03/2022 nhưng ông L.Q.T. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.Q.T..

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà P.T.V. khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông L.Q.T., cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự đảm bảo cho các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà P.T.V. và bị đơn ông L.Q.T. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn bà P.T.V. khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay còn thiếu đối với ông L.Q.T. nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 1624/2020/QĐ-CCTLCC ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường 12, quận Bình Thạnh xác định: "*L.Q.T. (SN : 17/12/1976) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh. Hiện nay, đương sự L.Q.T. đang sinh sống tại Ngô Nhân Tịnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TPHCM từ 2017 đến nay*", đồng thời, Công an Phường 1, quận Bình Thạnh trả lời Quyết định số 1623/2020/QĐ-CCTLCC ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh với nội dung: "*Đương sự L.Q.T., 1976 không thực tế cư trú Ngô Nhân Tịnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TPHCM, trước giờ đương sự L.Q.T. ở đâu không rõ*". Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông L.Q.T. là Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/02/2022, ông P.V.L., chồng của bà P.T.V., xác định số tiền mà bà P.T.V. cho ông L.Q.T. vay là khoản tiền riêng của bà P.T.V. mà không là tài sản chung vợ chồng nên ông L. không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.T.V. và đề nghị Tòa án không đưa ông L. vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời, tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định khởi kiện đối với cá nhân ông L.Q.T., không yêu cầu trách nhiệm liên đới nên căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không đưa chồng của bà P.T.V. là ông P.V.L. vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét ông L.Q.T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L.Q.T..

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn vẫn giữ khởi kiện của nguyên đơn bà P.T.V. yêu cầu ông L.Q.T. trả số tiền gốc vay còn thiếu là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi còn lại kể từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông L.Q.T. đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L.Q.T. không có ý kiến phản đối và cũng không giao nộp bất kỳ tài liệu nào khác nên Toà án giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà, ông T.H.T., đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, giao nộp bản chính Giấy vay tiền ghi ngày mượn tiền 03/04/2018. Xét giấy vay tiền thể hiện ông L.Q.T., sinh năm 1976, địa chỉ Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh, CMND số 022945774, có vay của cô P.T.V., sinh ngày 02/03/1960, số tiền là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và ông L.Q.T. có trách nhiệm hoàn trả trong vòng 1 tháng kể từ khi làm giấy vay tiền nên căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015, xác định có tồn tại giao dịch vay tiền có kỳ hạn giữa bà P.T.V.-người cho vay và ông L.Q.T.-người vay. Xét thấy chủ thể, nội dung và hình thức của giao dịch này phù hợp với Điều 117 và Điều 463 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, nên bà P.T.V. và ông L.Q.T. có trách nhiệm thực hiện đúng theo những thỏa thuận đã giao kết.

Tại nội dung thỏa thuận của giấy vay tiền, ông L.Q.T. thừa nhận có vay từ bà P.T.V. số tiền là 2.500.000.000 đồng ghi ngày mượn tiền là ngày 03/04/2018 và ông L.Q.T. có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên trong vòng 1 tháng kể từ khi làm giấy vay tiền nên xác định ông L.Q.T. đã nhận số tiền vay này từ bà P.T.V. và phải hoàn trả tiền vay cho bà P.T.V. hạn chót ngày 03/05/2018. Tuy nhiên, kể từ thời điểm hết hạn trả tiền cho đến nay, ông L.Q.T. đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà P.T.V. nên căn cứ Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và thỏa thuận tại hợp đồng, ông L.Q.T. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà P.T.V.. Do đó, bà P.T.V. có quyền yêu cầu ông L.Q.T. trả số tiền vay còn thiếu và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tại phiên toà, ông T.H.T., đại diện nguyên đơn, thừa nhận ông L.Q.T. có trả cho bà P.T.V. số tiền lãi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) ngày 20/07/2018 sau nhiều lần bà P.T.V. đòi ông L.Q.T. trả tiền khi đã hết thời hạn vay. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 04/05/2018 đến 20/07/2018 (77 ngày) là 2.500.000.000 đồng x 77 ngày x 10% : 365 ngày = 52.739.726 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín

ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng). Xét ông L.Q.T. đã trả tiền lãi cho bà P.T.V. 50.000.000 đồng ít hơn số tiền lãi chậm trả mà ông L.Q.T. phải trả đến ngày 20/07/2018 theo quy định của pháp luật dân sự, và nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu ông L.Q.T. trả số tiền lãi còn lại cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của phía nguyên đơn vì tự nguyện này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn. Vậy, ông L.Q.T. có trách nhiệm trả số tiền vay gốc còn thiếu cho bà P.T.V. là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà P.T.V. yêu cầu ông L.Q.T. trả số tiền vay gốc còn thiếu là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày mượn tiền 03/04/2018.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn ông L.Q.T. phải chịu án phí sơ thẩm là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng), bà P.T.V. không phải chịu án phí sơ thẩm.

Căn cứ Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Điều 2 Luật Người cao tuổi, bà P.T.V. có Đơn đề nghị miễn đóng tiền tạm ứng án phí ngày 10/10/2020 đã được Tòa án xét chấp nhận miễn đóng tiền tạm ứng án phí nên bà P.T.V. không có tiền tạm ứng án phí để xét hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 117, Điều 463, 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.T.V..

1.1. Ông L.Q.T. có trách nhiệm trả ngay cho bà P.T.V. làm một lần số tiền vay gốc còn thiếu theo Giấy vay tiền đề ngày mượn tiền 03/04/2018 là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P.T.V. không yêu cầu ông L.Q.T. trả tiền lãi chậm trả còn lại kể từ thời điểm hết hạn vay cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (trong trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự ông L.Q.T. phải chịu là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng).

2.2. Bà P.T.V. thuộc trường hợp được miễn đóng tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân